

PHỤ LỤC

Kèm theo thư mời báo giá số /BVĐK-TCKT ngày tháng năm 2024

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Quy cách	Thông số kỹ thuật	TCCL	Đơn giá	Thành tiền
Phần 1: Vật tư can thiệp mạch Khoa Nội Tim mạch								
1	Dây đo áp lực	Cái	100	1 cái/ túi	Chịu được áp lực cao ≥ 1200 psi. Có nhiều loại chiều dài, chiều dài ≤ 150 cm Đóng gói tiết trùng	ISO 13485	130.000	13.000.000
2	Dây dẫn đường cho Catheter loại ái nước	Cái	300	5 cái/ hộp	Lõi là vật liệu Nitinol Có phủ ái nước. Phủ cân quang bằng vàng vượt trội nhờ Gold marker. Kích thước: Chiều dài: 150cm Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm Đường kính: 0.035"	ISO 13485	508.000	152.400.000
3	Dây dẫn hỗ trợ can thiệp mạch vành	Cái	40	1 cái/ túi	- Đường kính 0,014" - Chiều dài các cỡ 175cm, 195cm, 300cm - Chiều dài phần cân quang 3cm, chất liệu Platinum tungsten - Chất liệu thép không gỉ - Phủ ái nước - Tiêu chuẩn CE và ISO13485 - Xuất xứ EU	ISO 13485; EC	1.800.000	72.000.000
4	Bộ bơm bóng áp lực cao	Cái	150	1 cái/ hộp	Bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch. - Áp lực ≥ 30 atm. Thể tích ≥ 20 ml. - Áp suất được kiểm soát dễ dàng nhờ đồng hồ đo áp suất hiển thị chính xác. - Bộ bơm bóng bao gồm: bơm, dây nối, khóa chữ Y, que lái	ISO 13485	1.133.333	170.000.000
5	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành	Cái	10	1 cái/ hộp	Lòng hút lớn: 0.044" ở đầu gân. Công nghệ Full - Wall. Lớp phủ ái nước Lubricious hydrophilic dài 38cm ở đoạn đầu. Marker cân quang tại các vị trí 90cm, 100cm và phần đầu ống.	FDA, CE, ISO 13485	9.180.000	91.800.000

6	Bộ kết nối Manifold 2,3 đường	Cái	100	1 cái/ túi	Bộ phận kết nối tối thiểu có 2 hoặc 3 cổng. Đầu kết nối dạng xoáy dạng "male". Áp lực tối đa đến 500 PSI. Cổng xoay dạng ON hoặc OFF.	ISO 13485	134.000	13.400.000
7	Bơm tiêm 10 ml	Cái	400	1 cái/ túi	Bơm tiêm ≤ 10ml. - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu. - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt để đảm bảo nhân thấy dòng chảy	ISO 13485	58.000	23.200.000
8	Catheter chụp động mạch vành hai bên	Cái	400	Hộp/ 5 cái	Kích thước: cỡ 5F và 4F, dài 100cm. Vật liệu: polyamide đảm bảo catheter có độ cứng và mềm cân bằng khi đưa tới đích.	ISO 13485, CE	720.000	288.000.000
9	Catheter chụp động mạch vành (Trái, Phải)	Cái	50	Hộp/ 5 cái	- Lòng rộng 1.2mm đối với catheter cỡ 5F. - Đủ cứng để đẩy, không bị gập gãy khi xoay lắc. - Mềm vừa phải để luồn lách dễ dàng - Hình dạng tiêu chuẩn để đưa được đến đích.	ISO 13485, CE	500.000	25.000.000
10	Catheter trợ giúp can thiệp Động Mạch Vành (Guiding Catheter)	Cái	100	1 cái/ hộp	Kích thước: đầy đủ size cỡ, lòng rộng 0.071" đối với 6Fr.	FDA, CE, ISO 13485	1.980.000	198.000.000
11	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Cái	100	Hộp/ 5 cái	Kích thước: 0.014" x 180cm. - Cấu tạo trực với công nghệ nối liền mạch, không mối hàn. - Đầu vào bằng hợp kim NiTi có khả năng định hình tốt.	ISO 13485, CE	2.544.990	254.499.000
12	Micro catheter	cái	10	1 cái/ hộp	- Catheter siêu nhỏ dạng thẳng trong hỗ trợ can thiệp động mạch vành chất liệu hợp chất Nylon 12 và Polytetrafluoroethylene - Đường kính ngoài trực 1.7F hoặc 1.8F - Chiều dài 135 hoặc 150cm	ISO 13485, PMDA	10.500.000	105.000.000
13	Bộ mở đường vào Động Mạch đùi	Bộ	50	1 bộ /hộp	Kích thước: Cỡ 4F, 5F, 6F, 7F Cấu tạo gồm các thành phần sau: Kim luồn chọc mạch, dây dẫn, bơm tiêm	ISO 13485, CE	550.000	27.500.000
14	Bộ mở đường vào động mạch quay	Cái	100	1 cái/ hộp	Kích thước: Cỡ 5F, 6F Cấu tạo gồm các thành phần sau: Kim catheter chọc mạch; dây dẫn, bơm tiêm	ISO 13485, CE	690.000	69.000.000

15	Bóng mong mạch vành cho tổn thương vôi hóa, hẹp khít	Cái	50	1 cái/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính đầu tip: 0.0157" (0.399 mm) - Chiều dài Vai bóng: 0.5mm - Chất liệu bóng Polyamide (tương đương Nylon12), bên ngoài phủ lớp hydrophilic mới (TR2) . - Chiều dài catheter 1460mm - Đường kính: 1.0; 1.2,1.5; 2.0; 2.25;2.5,2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 3.75; 4.0mm - Chiều dài: 6;8; 10; 12; 15; 20; 30 mm 	ISO 13485, EC, PMDA	7.500.000	375.000.000
16	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng	Bộ	2	1 bộ /hộp	<ul style="list-style-type: none"> Bộ máy tạo nhịp tim loại 1 buồng - Sử dụng 2 loại cảm biến để điều chỉnh nhịp - Tương thích MRI 1.5T và 3T 	ISO 13485	65.000.000	130.000.000
17	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	300	1 cái/ hộp	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao. Có áp lực trung bình ≥ 12 atm, áp lực gây vỡ bóng ≥ 20 atm. Bóng có nhiều nếp gấp. Đường kính bóng từ 2.0-5.0 mm. Chiều dài bóng từ 6-27 mm	ISO 13485; CE	7.243.333	2.173.000.000
18	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường	Cái	160	1 cái/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> Bóng nong mạch vành áp lực thường. Chiều dài của hệ thống bóng ≥ 1400mm Tương thích guidewire 0.014" Khoảng cách từ bóng đến lỗ luồn ống thông ≥ 250mm Đường kính bóng đầy đủ từ 1.5 đến 5.0mm Chiều dài bóng đầy đủ từ 8 đến 45mm 	ISO 13485; EC	6.150.000	984.000.000
19	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi	Cái	100	1 cái/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng chất liệu Pebax hoặc tương đương. - Áp lực định danh: 6 atm; Áp lực vỡ bóng trung bình: 20atm. - Khẩu kính thâm nhập 0.016" - Marker bằng Platinum/Iridium - Đường kính bóng từ 1.0 mm đến 4.0mm. - Chiều dài bóng từ 5mm đến 30 mm 	ISO, CE	6.830.000	683.000.000
20	Giá đỡ mạch vành	Cái	20	1 cái/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Zotarolimus cho tổn thương vôi hóa hoặc thân chung - Độ dày khung 81μm (đường kính từ 2.0mm-4.0mm) và 91μm (đường kính từ 4.5mm-5.0mm). Đường kính tối thiểu 2.0mm, đường kính tối đa 5.0mm - Chiều dài tối thiểu 8mm, chiều dài tối đa 38mm 	PMA, CE, ISO 13485	44.190.000	883.800.000

21	Stent mạch vành	Cái	120	1 cái/ hộp	<p>Khung giá đỡ động mạch vành các cỡ phủ thuốc Sirolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu Khung giá đỡ: khung cobalt-crom (CoCr L605) Lớp polymers tự tiêu: PLLA Polylactid acid.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc và Polymers tự tiêu hoàn toàn tối đa trong 120 ngày. - Mật độ phủ thuốc: 1.25 µg/mm² - Độ dày lớp phủ thuốc: 2 µm - Độ dày thanh chống: 73µm - Khẩu kính qua tổn thương: 0.90mm - Áp lực thường (NP) 8 atm), áp lực nở (RBP): 16atm ngoại trừ với đường kính 4.5/5.0 và đường kính 4.0 với các chiều dài hơn 20mm). - Số lượng zíc zắc tạo thành thanh chống: đường kính 2.25mm-2.5mm là 6, đường kính 2.75mm-3.5mm là 8, đường kính 4.0mm-5.0mm là 10. - Đường kính 2.25mm – 4.0mm: tương thích ống thông 5F, với đường kính 4.5mm - 5.0mm: tương thích ống thông 6F. - Đường kính stent: 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0mm. - Độ dài stent: 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40mm. <p>Có 72 cỡ.</p>	ISO 13485, CE	36.590.000	4.390.800.000
22	Khung giá đỡ (Stent) mạch vành có thanh mỏng	Cái	30	1 cái/ hộp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Cobalt Crom L-605. - Độ dày stent 60 µm cho tất cả các đường kính - Thuốc: Sirolimus, nồng độ 1.4 µg/mm² - Thanh liên kết chữ Z - Polymer mang thuốc có cấu trúc 3 lớp PVP-PLLA-PLCL - Đường kính từ 2.0mm - 4.50mm. - Chiều dài từ 8mm - 48mm 	ISO 13485, EC	37.500.000	1.125.000.000
23	Khung giá đỡ động mạch vành có phủ thuốc Sirolimus	Cái	50	Hộp/ 1 cái	<p>Khung giá đỡ động mạch vành bọc thuốc Sirolimus</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : Cobalt-Chromium L605 hoặc tương đương. Độ dày khung ≥ 80 µm. - Liều lượng ≥ 3.9 µg/mm chiều dài - Áp lực tham chiếu: 9atm - Áp lực tối đa: 14-16atm Đường kính: 2.25mm-4.0mm - Chiều dài trong khoảng từ: 8mm-38mm 	ISO 13485; CE	35.400.000	1.770.000.000
24	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	Cái	10	1 cái/ hộp	<p>Bóng nong mạch phủ thuốc Paclitaxel, liều lượng ≤ 3 microgam/mm²</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp lực định danh ≤ 6 atm. - Áp lực vỡ định danh (RBP) ≤ 16 atm. - Áp suất nở trung bình (ABP) ≥ 20 atm. - Đường kính đầu tip ≤ 0.016”. - Chiều dài catheter ≤ 140cm. 	ISO 13485; CE	23.500.000	235.000.000

25	Dụng cụ hút huyết khối có nòng hút cực lớn	Bộ	5	1 bộ/ hộp	- Bộ dụng cụ hút huyết khối các cỡ 6F, 7F - Lòng hút lớn $\geq 0.045''$ - Đường kính đầu tip siêu nhỏ chỉ 1.4F. Chiều dài đoạn luồn dây dẫn dài 120mm. - Tổng chiều dài catheter 1400mm. Phủ lớp ái nước (30cm từ đầu tip). - Xuất Xứ: Châu Âu và G7	ISO 13485, PMDA	8.700.000	43.500.000
26	Vi Ống thông can thiệp siêu nhỏ có 2 nòng	Cái	10	1 cái/ hộp	- Catheter siêu nhỏ có 2 nòng - Bên trong ống luồn dây dẫn phủ Silicone oil hoặc tương đương - Đường kính đầu tip $\leq 0.45\text{mm}$	ISO 13485, PMDA	10.000.000	100.000.000
Cộng phần 1: 26 mặt hàng								14.395.899.000
Phần 2: Vật tư can thiệp mạch máu não khoa Cấp cứu								
1	Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ, bề mặt polyamide, đường kính 5Fr (đường kính trong 0.043"), chiều dài 100cm.	Cái	15	5 Cái/ Hộp	Cấu tạo: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cân quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	ISO 13485, CE	1.050.000	15.750.000
2	Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ, bề mặt polyamide, đường kính 5Fr (đường kính trong 0.043"), chiều dài 100cm.	Cái	15	5 Cái/ Hộp	Cấu tạo: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cân quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	ISO 13485, CE	1.050.000	15.750.000

3	Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ, bề mặt polyamide, đường kính 5Fr (đường kính trong 0.043"), chiều dài 100cm.	Cái	15	5 Cái/ Hộp	Cấu tạo: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cân quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	ISO 13485, CE	1.050.000	15.750.000
4	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	50	1 Cái/ hộp	Ống thông can thiệp dạng coil bằng thép không gỉ, đường kính ngoài gần-xa là ,2.5Fr-2.0Fr và 3.1Fr-2.6Fr đường kính trong 0.021" và 0.027" , chiều dài là 150 và 156cm. Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.	ISO 13485, EC, FDA	10.000.000	500.000.000
5	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	15	1 cái / 1 gói	Vi ống thông thiết kế lớp ngoài phủ Hydrophilic giúp giảm ma sát để cải thiện điều hướng trong các mạch máu quanh co, tăng cường độ bền để sử dụng lâu dài. Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. Đường kính trong từ 0,017, 0,021 và 0,027 inches, đường kính ngoài đầu gần từ 2.4F, 2.5F, 3,1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7F, 2.0F và 2.6F . Chiều dài sử dụng là 150 cm và 156cm, trơn và linh hoạt. Có hai markers.	ISO 13485, EC, FDA	10.000.000	150.000.000
6	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước (guide wire) đường kính: 0.035" dài 150cm	Cái	70	5 Cái/ Hộp	Cấu tạo: Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten. Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) Kích thước: Chiều dài dây dẫn: 150 cm, Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm, Đường kính: 0.035"	ISO 13485, CE	546.000	38.220.000
7	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước (guide wire) đường kính: 0.035" dài: 260cm	Cái	50	5 Cái/ Hộp	Cấu tạo: Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat,Hình dạng đầu: đầu cong (Angled) Kích thước: Chiều dài dây dẫn: 260 cm, Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm Đường kính: 0.035"	ISO 13485, CE	595.000	29.750.000

8	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Cái	50	5 Cái/ Hộp	Được phủ hydrophilic. Kích thước ống thông là 5F, 6F tương ứng. Đường kính trong/ ngoài của bộ ống thông: 2.05/ 2.4mm (5F), 2.28/ 2.7mm (6F). Chiều dài khả dụng: từ 80 đến 117 cm. Hình dạng đầu tip: angled, straight.	ISO 13485, FDA	5.816.667	290.833.333
9	Dây dẫn đường can thiệp mạch thần kinh (guide wire); đường kính 0.014", độ dài 205cm	Cái	50	1 Cái/ hộp	Chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.014", độ dài ≥200cm, đầu mềm xoắn lò xo platinum dài từ 3-6cm. Được thiết kế để hỗ trợ tối ưu cho các hệ thống theo dấu, có thể đi xuyên qua huyết khối và đảm bảo ống thông luôn giữ nguyên vị trí.	ISO 13485, CE, FDA	6.000.000	300.000.000
10	Dây dẫn đường can thiệp mạch thần kinh (guide wire) các loại, các cỡ	cái	25	1 cái/ hộp	Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. Lớp phủ SLIP-COAT, SLIP-COAT trên nền polymer Đường kính: 0.010 inch, 0.014 inch, 0.018 inch Chiều dài khả dụng: 200cm, 300cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	ISO 13485	6.000.000	150.000.000
11	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Cái	15	1 cái / 1 gói	Đường kính trong lớn giúp tăng cường lực hút và củng cố độ uyển chuyển khi điều hướng ở đầu xa trên - Đường kính trong 0,07", đường kính ngoài đầu gần 0.0825" - Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài đầu gần là 106cm) hoặc 131 cm (chiều dài đầu xa 19cm và chiều dài đầu gần là 112cm), đầu thẳng. - Lòng ống rộng hơn nên hút được huyết khối lớn hơn	ISO 13485, EC	29.000.000	435.000.000
12	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Cái	15	1 Cái/ hộp	Chất liệu Nitinol, thiết kế dạng coil dẹt, đường kính trong rộng 0.068" và 0.071", đường kính ngoài tối đa 0.083" và 0.0855". Chiều dài 132cm. Hỗ trợ giá đỡ mạch não Solitaire trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não.	ISO 13485, FDA.	35.637.000	534.555.000

13	Giá đỡ (Stent) mạch thần kinh lấy huyết khối mạch não	Cái	25	1 Cái/ hộp	Đường kính stent 4 - 6mm, chiều dài stent 20mm, 24mm, 40mm, dùng cho mạch đường kính 2-4mm, 2-5.5mm. tương thích vi ống thông đường kính 0.021"-0.027", số marker đầu xa 3,4, số marker đầu gần 1, khoảng cách giữa các marker là 5mm, 6mm, 10mm. Được sử dụng để lấy huyết khối trong điều trị đột quy.	ISO 13485, CE	43.500.000	1.087.500.000
14	Vòng xoắn kim loại, nút túi phình mạch não	Cái	15	1 cái/1 gói	Vòng xoắn kim loại cho phép lấp đầy hoàn toàn túi phình tốt hơn so với coil platinum thông thường, dễ dàng dẫn đến vị trí mong muốn và đưa vào túi phình. Có nhiều loại coil khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,... Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính coil 0.010"-0.0145", đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm. Sử dụng với kim tích hợp sẵn điện, cắt nhanh 1 vòng xoắn trong 0.75 giây	ISO 13485, EC	13.000.000	195.000.000
15	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	Bộ	50	5 Bộ/ Hộp	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	ISO 13485, CE	550.000	27.500.000
16	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	Bộ	50	Hộp/ 10 bộ	Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator - 01 sheath Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. Kích cỡ: 8Fr	ISO 13485, CE	7.150.000	357.500.000

Cộng phần 2: 16 mặt hàng							4.143.108.333	
Phần 3: Vật tư can thiệp khoa CDHA								
1	Dây dẫn đường mềm (Zebra) Size 0.032 dài 150cm	Cái	10	1 cái/ 1 gói	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane, phủ lớp Tungsten tăng tính cản quang. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.032", .035"; 0.038"	ISO 13485, CE	3.500.000	35.000.000
2	Dây dẫn đường mềm (Zebra) Size 0.035 dài 150cm	Cái	10	1 cái/ 1 gói	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane, phủ lớp Tungsten tăng tính cản quang. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035"; 0.038"	ISO 13485, CE	3.500.000	35.000.000
3	Dây dẫn đường cứng (Wire vắn) dài 260cm	Cái	10	5 cái / hộp	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane, phủ lớp Tungsten tăng tính cản quang. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035"; 0.038"	ISO 13485, CE	1.250.000	12.500.000
4	Rọ lấy sỏi đầu xoắn 4 nhánh Size 3.0Fr	Cái	50	1 cái/ 1 gói	Kích cỡ 3.0Fr, đầu xoắn 4 nhánh	ISO 13485	4.700.000	235.000.000

5	Amplatz size 14Fr	Cái	5	1 cái/ 1 gói	Quy cách: - 01 cái / gói - 01 sheath, size 14	ISO 13485 và CE và FDA	2.000.000	10.000.000
6	Amplatz size 16Fr	Cái	40	1 cái/ 1 gói	Quy cách: - 01 cái/gói - 01 sheath, size 16	ISO 13495	2.000.000	80.000.000
7	Amplatz size 18Fr	Cái	50	1 cái/ 1 gói	Quy cách: - 01 cái / gói - 01 sheath, size 18	ISO 13495	2.000.000	100.000.000
8	Bộ nong đường mật	Bộ	15	1 bộ/1 hộp	01 bộ/gói; Bao gồm: + 01 sheath, size 18Fr + .06 nong thận, size 8,10,12,14,16,18Fr + .01 kim chọc dò: 18G. + 01 dây dẫn dài 75 cm cỡ 0.035", đầu cong	ISO 13495	4.900.000	73.500.000
9	Miếng dán phẫu thuật Sugridrape 45x45x150cm	Cái	48	1 cái/ 1 gói	Quy cách: 1 cái/ gói Chất liệu: polyurethane. Đóng gói vô trùng. Kích thước: 45cm x 45cm có túi thu nước trong quá trình phẫu thuật, thoáng khí, không thấm nước, không gây dị ứng	ISO 13495	490.000	23.520.000
10	Bơm xoáy các loại 1ml, 3ml, 5ml, 10ml, 20ml	Cái	200	Cái/ túi	Bơm tiêm thuốc cân quang được làm từ vật liệu Polycarbonate chịu áp lực - Dung tích từ 1ml, 3 ml, 6ml, 10 ml, 20 ml - Đầu tip kết nối có đầu khóa Luer lock - Màu sắc: trong suốt, có thể quan sát dòng chảy và bọt khí bên trong - Vạch chia rõ ràng và chính xác, giúp kiểm soát tốt liều lượng tiêm - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA	56.000	11.200.000

11	Súng sinh thiết bán tự động	Cái	100	01 Cái/ Hộp	<p>Kim sinh thiết lõi bán tự động dùng để lấy mẫu bệnh phẩm mô mềm</p> <p>Có 2 nấc bệnh phẩm: 10mm và 20mm</p> <p>Kích cỡ: 14G - 20G tương ứng các chiều dài từ 100mm đến 250mm</p> <p>Có vạch đánh dấu khoảng cách trên thân kim</p> <p>Thành phần: gồm 1 kim sinh thiết, 1 kim dẫn đường kèm theo nút chặn</p>	ISO 13485, CE	530.000	53.000.000
12	Bộ kit đốt laser nội mạch	Cái	10	5 Cái/ Hộp	<p>Bộ mở đường vào động mạch đùi bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ bọc (sheath): + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất gồm: 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr + Chiều dài: 10cm. - Nong (dilator). - Kim chọc mạch cỡ 18G. - Dây dẫn đường cỡ 0.035", chiều dài 45cm chất liệu nhựa y tế - Bơm tiêm 2.5ml. - Van cầm máu. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Việt Nam hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	550.000	5.500.000
13	Coil nút mạch ngoại biên dạng cắt các cỡ	Chiếc	50	1 hộp/ 1 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> - Vòng xoắn bằng platinum, lõi bằng Nitinol. - Đường kính sợi coil kích cỡ lớn tới: 0.020". - Đường kính vòng coil có nhiều kích cỡ khác nhau như: 3mm ...đến 32mm. - Chiều dài có tối thiểu 6 cỡ ≥ 57cm. - Dạng coil cắt. 	ISO 13485, FDA.	19.000.000	950.000.000
14	Hạt nút mạch hình cầu chất liệu Acrylic Polymer + Gelatin, kích cỡ hạt từ 40 - 1200 μ m, pha sẵn 2ml	Lọ	300	Hộp 1 lọ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene Glycol, có tính đàn hồi. - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 75μm, 200μm, 400μm, 600μm, 800μm, 1100μm. - Quy cách đóng gói: 2ml/Ống. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE - Xuất xứ: G7 	ISO 13485, CE	7.300.000	2.190.000.000
15	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan. Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200 μ m, sau khi trộn thuốc ung thư gan kích thước đạt từ 80 - 800 μ m	Lọ	30	Hộp 1 lọ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene Glycol, có tính đàn hồi. - Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 100μm, 200μm, 400μm. - Khả năng tải thuốc: Irinotecan, Doxorubicin. - Quy cách đóng gói: 2ml/Ống. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE - Xuất xứ: G7 	ISO 13485, CE	34.500.000	1.035.000.000

16	Vi ống thông can thiệp thuyên tắc nút mạch và chụp mạch đường kính 2.0 Fr, cấu trúc 3 lớp với cuộn tungsten xoắn ốc, phủ ái nước hydrophilic M coat.	Cái	50	Hộp 1 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc gồm 3 lớp: + Lớp trong: phủ lớp PTFE. + Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cận quang. + Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat - Đường kính ngoài đồng trục: 2.0F. - Đầu thẳng, có thể tạo hình được. - Chiều dài 110cm, 130cm. 150cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Châu Âu hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	8.400.000	420.000.000
17	Vi ống thông can thiệp thuyên tắc nút mạch và chụp mạch đường kính 2.4 Fr, cấu trúc 3 lớp với cuộn tungsten xoắn ốc, phủ ái nước hydrophilic M coat.	Cái	50	Hộp 1 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc 3 lớp: + Lớp trong: phủ lớp PTFE. + Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cận quang. + Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat. - Đường kính ngoài đồng trục: 2.4F. - Chiều dài 110cm, 130cm. - Vi ống thông có dây dẫn đồng trục đi kèm cỡ 0.018" - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Châu Âu hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	9.700.000	485.000.000
18	Vi ống thông can thiệp thuyên tắc nút mạch và chụp mạch đường kính 2.7 Fr, cấu trúc 3 lớp với cuộn tungsten xoắn ốc, phủ ái nước hydrophilic M coat.	Cái	100	Hộp 1 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc 3 lớp: + Lớp trong: phủ lớp PTFE. + Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cận quang. + Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat. - Đường kính ngoài đồng trục: 2.7F. - Chiều dài 110cm, 130cm. - Vi ống thông có dây dẫn đồng trục đi kèm cỡ 0.021" - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Châu Âu hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	8.700.000	870.000.000

19	Dây dẫn đường với phần cuộn vàng (Gold coil) ở đầu xa, lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane và lớp phủ ái nước	Cái	100	Hộp 1 cái	<p>Cấu tạo đồng trục gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài Polyurethane - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm tăng cường tính cản quang - Đầu xa linh hoạt dài, được vuốt thon <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016" - Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150° - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Việt Nam hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	3.500.000	350.000.000
20	Stent nhớ hình đường mật - mạch máu có antijump.	Cái	20	Hộp 1 cái	<p>Cấu tạo stent iVolution Pro:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol - Thiết kế mắt mở ngắn open short-cell - Catheter 3 lớp sheath, lớp trong phủ PTFE - Tay cầm thả stent có hệ thống khóa và thanh cuộn kiểm soát tốc độ nhả stent - Tương thích với dây dẫn 0.035", introducer 6F và ống thông dẫn đường 8F - Có 4 điểm đánh dấu cản quang (chất liệu tantalum) ở mỗi đầu stent và 3 điểm đánh dấu cản quang trên ống thông - Độ dày thanh chống: 180-190µm <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài ống thông: 2 loại 80 và 130cm - Đường kính stent: 5; 6; 7; 8; 9; 10mm - Chiều dài stent: 40; 60; 80; 100; 150; 200mm 	ISO 13485, CE	27.000.000	540.000.000

21	Ống thông trợ giúp can thiệp lòng rộng, ái nước	Cái	200	Hộp 1 cái	<p>Cấu tạo ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo trục với lớp lưới đan thép không gỉ 2x2 và lớp ngoài polyamide - Lớp phủ ái nước hydrophilic chọn lọc, chỉ phủ ái nước ở đoạn giữa, không phủ ái nước ở 7cm đầu xa và 25cm đầu gần - Đầu vào mềm mại - Thiết bị 6Fr, 7Fr có 02 lỗ bên ở đầu xa <p>Kích cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 100cm, 125cm - Đường kính: 5Fr, 6Fr, 7Fr - Lòng ống rộng, đường kính trong: 0.058" (5Fr); 0.071" (6Fr); 0.082" (7Fr). <p>Tương thích với hệ thống 5 trong 6 của Heartrail II</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kiểu đầu: Amplatz Left, Amplatz Right, Judkins Left, Judkins Right, Extra backup, Multipurpose, Hockey Stick, IMA, Bypass, Tiger 	ISO 13485, CE	2.494.000	498.800.000
22	Dây dẫn đường cho catheter ái nước, lõi Nitinol (150cm)	Cái	150	Hộp 5 cái	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane, phủ lớp Tungsten tăng tính cản quang. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035"; 0.038" 	ISO 13485; CE,	1.250.000	187.500.000
23	Dây dẫn đường cho catheter ái nước, lõi Nitinol (260cm)	Cái	10	Hộp 5 cái	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi là hợp kim Nitinol. - Lớp ngoài là Polyurethane, phủ lớp Tungsten tăng tính cản quang. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035"; 0.038" 	ISO 13485; CE,	1.250.000	12.500.000

24	Bộ mở đường vào ĐM đùi dùng kim luồn chọc mạch	Bộ	150	5 Bộ /Hộp	<p>Bộ mở đường vào động mạch đùi bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ bọc (sheath): + Có các đường kính theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất gồm: 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr + Chiều dài: 10cm. - Nong (dilator). - Kim chọc mạch cỡ 18G. - Dây dẫn đường cỡ 0.035", chiều dài 45cm chất liệu nhựa y tế - Bơm tiêm 2.5ml. - Van cầm máu. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Việt Nam hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	550.000	82.500.000
25	Catheter chụp chẩn đoán Pigtail	Cái	20	5 Cái/ Hộp	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Chiều dài: 110cm - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm) - Tương thích dây dẫn: 0.035" (đường kính dây dẫn tối đa tương thích là 0.038") - Hình dạng đầu ống thông: dạng đuôi lợn (Pigtail) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Liên minh Châu Âu EU) - Xuất xứ tại Việt Nam hoặc G7 	ISO 13485; CE, MHLW	500.000	10.000.000
26	Bóng nong mạch ngoại vi 0.018"	Cái	10	Hộp 1 cái	<p>Bóng nong động mạch ngoại biên, catheter phủ ái nước bền vững theo công nghệ HYDRAX. Marker bằng Tungsten. Kích thước: 0.018", đường kính 2.0-4.0mm, độ dài 20-200mm</p>	ISO 13485; CE, MHLW	7.500.000	75.000.000
27	Bóng nong mạch ngoại vi 0.035"	Cái	10	Hộp 1 cái	<p>Bóng nong động mạch ngoại biên, catheter phủ ái nước bền vững theo công nghệ HYDRAX. Marker bằng Tungsten. Kích thước: 0.035; Đường kính từ: 3.0 – 12.0 mm, Độ dài từ: 20-200 mm.</p>	ISO 13485, CE	7.500.000	75.000.000

28	Stent động mạch ngoại vi (chi, chậu, dưới đòn) tự giãn nở	Cái	10	Hộp 1 cái	<p>Cấu tạo stent iVolution Pro:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol - Thiết kế mắt mở ngắn open short-cell - Catheter 3 lớp sheath, lớp trong phủ PTFE - Tay cầm thả stent có hệ thống khóa và thanh cuộn kiểm soát tốc độ nhả stent - Tương thích với dây dẫn 0.035", introducer 6F và ống thông dẫn đường 8F - Có 4 điểm đánh dấu cân quang (chất liệu tantalum) ở mỗi đầu stent và 3 điểm đánh dấu cân quang trên ống thông - Độ dày thanh chống: 180-190µm <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài ống thông: 2 loại 80 và 130cm - Đường kính stent: 5; 6; 7; 8; 9; 10mm - Chiều dài stent: 40; 60; 80; 100; 150; 200mm 	ISO 13485, CE	27.000.000	270.000.000
29	Bộ phận kết nối nhiều công (manifold) chịu được áp lực ≥ 600 psi	Cái	200	Cái/ túi	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ kết nối (manifold) chịu áp lực cao lên ≥ 600psi. - Có ≥ 3 công phù hợp với nhu cầu sử dụng khác nhau. - Công xoay ON, OFF 	ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, GMP FDA	1.250.000	250.000.000
Cộng phần 3: 29 mặt hàng								8.975.520.000
Phần 4: Vật tư can thiệp khoa Ngoại Tiết niệu								
1	Guide wire Zebra Hydrophilic hoặc tương đương	Cái	5	5 cái / hộp	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi là hợp kim Nitinol. - Phủ PTFE linh hoạt có mô men chịu xoắn, mềm mịn hạn chế gây tổn thương niệu quản - Đầu xa 60 cm được phủ lớp Uro-Glide được thiết kế để giảm ma sát bề mặt, khiến cho nó trơn trượt, khả năng xử lý của đầu gần chính xác và hiệu quả cao - Đầu xa được cấu tạo bằng platinum để quan sát dưới nội soi để hỗ trợ xác nhận vị trí dây dẫn <p>Hình dạng đầu tip: Có 3 đầu loại: đầu thẳng, đầu góc và đầu 3mm "J".</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.032", 0.035"; 0.038" - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE và FDA 	ISO 13485 và CE và FDA	1.250.000	6.250.000
2	Amplatz (que nong thận)	Bộ	150	1 bộ/1 hộp	01 bộ/hộp: 06 nong thận, size 8,10,12,14,16,18Fr	ISO 13485 và FDA	2.500.000	375.000.000

3	Kim chọc dò thận	Cái	150	1 cái/ 1 gói	Quy cách: 1 cái /gói Kích cỡ: 18/20G Chất liệu: thép không gỉ Vỏ ngoài kim có các vạch chia cân quang Nòng trong của kim: đầu kim là đầu vát kim cương, đoạn đầu kim có thiết kế khoảng trống 1,5 cm định hình rõ nét dưới siêu âm	ISO 13485 và FDA	1.000.000	150.000.000
4	Giá đỡ ống soi thận (Amplatz 18f)	Cái	160	1 cái/ 1 gói	Quy cách: 1 cái/gói - 01 sheath, size 18	ISO 13485 và FDA	2.000.000	320.000.000
5	Dây dẫn hướng tán sỏi qua da (Guide wire đầu cong J, phủ PTFE)	Cái	150	1 cái/ 1 gói	KT: 0,035" , dài ≥75cm, đầu cong	ISO 13485	2.300.000	345.000.000
6	Ống thông niệu quản kiểu vặn xoáy, có lỗ sẵn 6F	Cái	150	1 cái/ 1 gói	Kích thước 6F, 7F, dài ≥70cm, có khóa cố định vặn xoáy, có đánh dấu số, có lỗ sẵn	ISO 13485, FDA	550.000	82.500.000
Cộng phần 4: 06 mặt hàng								1.278.750.000
Tổng Phần 1 + Phần 2 + Phần 3 + Phần 4: 77 mặt hàng								28.793.277.333

Tổng số tiền bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng./.